

Số: 858/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt
cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 113/TTr - STC ngày 12/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2018, với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Kế hoạch cấp muối i-ốt:

1. Số hộ, số nhân khẩu:

- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được cấp muối là 10.621 hộ;
- Tổng số nhân khẩu là 39.073 người.

2. Định mức muối i-ốt cấp: 06 kg/người/năm.

3. Số lượng muối cấp: 234.438 kg (39.073 người x 06 kg/người).

(Cụ thể số hộ, số nhân khẩu và số lượng muối i-ốt cấp cho từng địa bàn theo phụ lục đính kèm).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội đã được UBND tỉnh giao dự toán năm 2018 cho Ban Dân tộc tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 để thực hiện.

II. Đơn giá muối:

Giao Ban Dân tộc lập dự toán chi tiết, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để làm cơ sở tổ chức đấu thầu, trong đó:

- Đơn giá muối bao gồm: Muối sạch trộn i-ốt đựng trong túi OPP loại 01 kg;
- Đơn giá muối được tính đến địa điểm cấp phát muối là trụ sở UBND các xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

III. Đơn vị thực hiện cấp phát muối i-ốt:

Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp muối i-ốt cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2018 đảm bảo chất lượng và đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện liên quan có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích và tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K1 



Trần Châu



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **858**/QĐ-UBND ngày **19**/3/2018 của UBND tỉnh)

Số TT	Huyện/xã	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số lượng muối i-ốt (6kg/người)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	10.621	39.073	234.438	
I	Huyện An Lão	3.099	11.384	68.304	
1	Thị trấn An Lão	292	1.054	6.324	
2	Xã An Tân	30	140	840	
3	Xã An Hòa	12	21	126	
4	Xã An Trung	638	2.347	14.082	
5	Xã An Dũng	446	1.641	9.846	
6	Xã An Vinh	523	1.979	11.874	
7	Xã An Quang	339	1.209	7.254	
8	Xã An Hưng	421	1.466	8.796	
9	Xã An Toàn	213	838	5.028	
10	Xã An Nghĩa	185	689	4.134	
II	Huyện Vĩnh Thạnh	2.604	10.052	60.312	
1	Thị trấn Vĩnh Thạnh	214	752	4.512	
2	Xã Vĩnh Hảo	95	374	2.244	
3	Xã Vĩnh Hiệp	239	891	5.346	
4	Xã Vĩnh Thịnh	163	639	3.834	
5	Xã Vĩnh Quang	7	19	114	
6	Xã Vĩnh Kim	501	1.972	11.832	
7	Xã Vĩnh Thuận	403	1.565	9.390	
8	Xã Vĩnh Hòa	207	738	4.428	
9	Xã Vĩnh Sơn	775	3.102	18.612	
III	Huyện Vân Canh	3.378	12.065	72.390	
1	Thị trấn Vân Canh	745	2.660	15.960	
2	Xã Canh Vinh	10	35	210	
3	Xã Canh Hiền	3	8	48	
4	Xã Canh Hiệp	522	1.922	11.532	
5	Xã Canh Thuận	854	3.043	18.258	
6	Xã Canh Hòa	534	1.937	11.622	
7	Xã Canh Liên	710	2.460	14.760	
IV	Huyện Hoài Ân	1.050	3.774	22.644	
1	Xã Ân Tường Tây	4	17	102	
2	Xã Ân Tường Đông	17	75	450	
3	Xã Ân Nghĩa	3	13	78	
4	Xã Ân Mỹ	8	23	138	
5	Xã Đăk Mang	377	1.315	7.890	
6	Xã BokTới	481	1.798	10.788	
7	Xã Ân Sơn	160	533	3.198	
V	Huyện Tây Sơn	459	1.694	10.164	
1	Xã Tây Giang	3	11	66	
2	Xã Tây Phú	2	10	60	
3	Xã Tây Xuân	50	173	1.038	
4	Xã Bình Tân	65	227	1.362	
5	Xã Vĩnh An	339	1.273	7.638	
VI	Huyện Phù Cát	31	104	624	
1	Xã Cát Sơn	13	41	246	
2	Xã Cát Lâm	18	63	378	